

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ thông tư 07/2015/TT-BGDDT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ văn bản số 17/VBHN-BGDDT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản số 2048-1/BB-ĐHVN-ĐT ngày 25/9/2019 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường về việc họp nghiệm thu chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

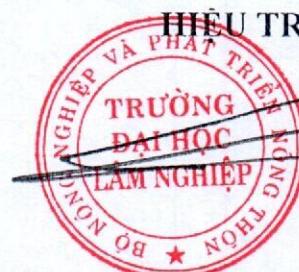
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo Đại học cho 20 ngành học tại Trường Đại học Lâm nghiệp (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Chương trình đào tạo Đại học các ngành ban hành tại Điều 1 được áp dụng chính thức tại Trường Đại học Lâm nghiệp kể từ khoá 64 trở đi.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong Trường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Phân hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.



GS.TS. Trần Văn Chứ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2053-1/QĐ-DHVN-ĐT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học lâm nghiệp)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ Gỗ)

Tiếng Anh: Wood technology

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành: 7549001

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư có kiến thức tổng hợp về sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng (Gỗ và Lâm sản); có kỹ năng tốt về công nghệ chế tạo sản phẩm, về chế biến gỗ và lâm sản; có năng lực trong tổ chức và quản lý sản xuất; có đủ đức, tài để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thị trường toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Sinh viên tốt nghiệp sử dụng tốt kiến thức và kỹ thuật mới nhất để giải quyết các vấn đề công nghệ chế biến gỗ và lâm sản một cách sáng tạo và hiệu quả.
- Sinh viên tốt nghiệp có năng lực lãnh đạo, có kỹ năng tốt trong quản lý và làm việc theo nhóm, có thể giao tiếp hiệu quả trong môi trường toàn cầu.
- Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có thể tiếp tục học độc lập trong việc nâng cao kiến thức và kỹ năng mới.

1.3. Chuẩn đầu ra

1.3.1. Về kiến thức

a) Kiến thức cơ bản

- Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lenin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Có kiến thức về giáo dục Thể chất và Quốc phòng – An ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm chuyên dụng khác.
- Có kiến thức cơ sở ngành gồm: Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật, kỹ thuật điện và điện tử, nguyên lý máy, khoa học gỗ, nguyên lý cắt vật liệu gỗ,...

b) Kiến thức chuyên môn

Có kiến thức về:

- Công nghệ xẻ, sấy và bảo quản gỗ.
- Máy và thiết bị chế biến gỗ, tự động hóa trong chế biến gỗ.
- Công nghệ sản xuất vật liệu gỗ.
- Thiết kế, chế tạo và sản xuất đồ gỗ.
- Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy.
- Tổ chức và quản lý sản xuất chế biến gỗ.

1.3.2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng cứng:

- Kiểm tra, đánh giá chất lượng gỗ, vật liệu gỗ và sản phẩm gỗ.
- Nhận biết gỗ và tư vấn sử dụng hiệu quả gỗ.
- Sử dụng hiệu quả, cài tiến máy, thiết bị chế biến gỗ và các dây chuyền tự động hóa trong các nhà máy chế biến gỗ.
- Thành thạo về kỹ thuật, thiết kế đồ họa trên máy vi tính.
- Thiết kế đồ gỗ và nội thất đáp ứng tốt công năng theo nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật; thành thạo bóc tách sản phẩm gỗ.
- Tổ chức, chỉ đạo, quản lý các hoạt động sản xuất tại các nhà máy chế biến gỗ; giám sát, thi công các công trình gỗ.
- Tổ chức hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chế biến gỗ.
- Kinh doanh và phát triển thị trường về gỗ, vật liệu gỗ và sản phẩm gỗ.

b) Kỹ năng mềm

- Có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.
- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học trong hoạt động chuyên môn và xã hội.
- Có kỹ năng giao tiếp xã hội và làm việc nhóm.

1.3.3. Yêu cầu về thái độ

a) Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh;
- Yêu nghề, trung thực và có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong công việc;
- Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của các tổ chức làm việc.

b) Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có tinh thần tự giác, trách nhiệm với công việc, tập thể, bản thân và cộng đồng;
- Có tác phong công nghiệp và thái độ làm việc nghiêm túc;
- Có tinh thần phục vụ cộng đồng, tinh thần hội nhập và hợp tác quốc tế.

c) Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Có ý thức tự học, rèn luyện và cập nhật kiến thức;
- Có ý thức tự duy sáng tạo.

1.3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ, tin học

a) Yêu cầu về ngoại ngữ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ chế biến lâm sản đạt trình độ tiếng Anh chuẩn TOEIC 450 điểm do Trường Đại học Lâm nghiệp tổ chức thi hoặc các chứng chỉ khác tương đương.

b) Yêu cầu về tin học

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ chế biến lâm sản đạt trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.3.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp của kỹ sư Công nghệ chế biến lâm sản

Kỹ sư Công nghệ chế biến lâm sản có thể làm việc ở các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước:

- Công chức tại các sở, ban ngành: Sở NN&PTNT, KHCN, Sở TNMT, Sở Công thương...;
- Giảng viên các trường đại học, cán bộ nghiên cứu tại các Phòng thí nghiệm và Viện nghiên cứu;
- Cán bộ kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ, vật liệu gỗ và sản phẩm gỗ;
- Cán bộ tổ chức, quản lý sản xuất và quản lý chất lượng tại các nhà máy sản xuất vật liệu gỗ, sản phẩm gỗ;
- Kỹ sư thiết kế kỹ thuật tại các công ty thiết kế đồ gỗ và trang trí nội thất;
- Kỹ sư giám sát và tổ chức thi công công trình gỗ;
- Cán bộ kỹ thuật bảo tồn và phục chế di sản văn hóa bằng gỗ.

1.3.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ chế biến lâm sản có thể làm việc và học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại các tổ chức, cơ sở hoặc các trường đại học/học viện trong và ngoài nước.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm

3. KHÓI KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 126 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ điều kiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các tổ hợp môn xét tuyển: A00, C01, D01, D07.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Được tổ chức theo hệ thống tín chỉ và thực hiện theo QĐ số: 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” và Quyết định của Hiệu trưởng về chương trình đào tạo của ngành.

6. THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Điểm đánh giá được thực hiện theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Lâm nghiệp.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Học phần	Số TC	Thời lượng (tiết)								HP tiên quyết	
			L.thuyết		BT/TL		BT lớn		TN/TH			
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT		
A	Kiến thức GDDC	34										
1	Những NL cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	60	60	15	30						
2	Dường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	35	35	10	20						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	25	5	10						
4	Anh văn 1	3										
5	Anh văn 2	3										
6	Hóa cao phân tử	2	25	25					5	10		
7	Vật lý đại cương	3	30	30	5	10			10	20		
8	Toán cao cấp B	3	35	35	10	20						

TT	Học phần	Số TC	Thời lượng (tiết)								HP tiên quyết	
			L.thuyết		BT/TL		BT lớn		TN/TH			
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT		
9	Thống kê toán học	2	20	20	10	20						
10	Pháp luật đại cương	2	30	30								
11	Tin học đại cương	2	15	30					15	30		
13	Giáo dục thể chất											
14	Giáo dục Quốc phòng											
15	Kỹ năng giao tiếp cơ bản (9)	2	25	25	5	10						
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	25	25	5	10						
B	Kiến thức GDCN	73										
I	Kiến thức cơ sở ngành	26										
I.1	Kiến thức bắt buộc	18										
17	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ	3	30	30					15	30		
18	Kỹ thuật điện và điện tử	3	35	35					10	20		
19	Kỹ thuật nhiệt	2	20	20	10	20						
20	Khoa học gỗ	4	40	40	5	10			15	30		
21	Nguyên lý cắt vật liệu gỗ	2	20	20					10	20		
22	Máy và thiết bị chế biến lâm sản	4	35	35			10	30	15	30		
I.2	Kiến thức tự chọn	8/14										
23	Cơ học kỹ thuật	4	45	45	15	30						
24	Nguyên lý máy	2	30	30	5	10	10	30				
25	Dẫn động và điều khiển bằng thủy khí trong chế biến gỗ	2	18	18			5	15	7	14		
26	Tiếng Anh chuyên ngành chế biến gỗ	2	30	30								
27	Biến tính gỗ	2	25	25	5	10						
28	Hóa học gỗ	2	25	25	5	10						
II	Kiến thức ngành	47										
II.1	Kiến thức bắt buộc	39										
29	Keo dán gỗ	2	20	20					10	20		
30	Bảo quản gỗ	2	20	20					10	20		
31	Công nghệ sấy gỗ	3	30	30			5	15	10	20		
32	Công nghệ xé	2	20	20					10	20		
33	Công nghệ Vật liệu gỗ	4	50	50					10	20		
34	Thiết kế đồ gỗ	3	20	20	10	20	15	45				
35	Công nghệ mộc	3	30	30					15	30		
36	Công nghệ trang sức vật liệu gỗ	2	20	20					10	20		
37	An toàn và vệ sinh lao động	2	15	15					15	30		
38	Đồ án công nghệ vật liệu gỗ	1					15	45				
39	Đồ án công nghệ sản xuất đồ mộc	1					15	45				
40	Quản lý chất lượng gỗ và sản phẩm gỗ	2	15	15					15	30		
41	Quản trị kinh doanh 1	3	40	40	5	10						
42	Tổ chức sản xuất chế biến gỗ	2	25	25	5	10						
43	Thiết kế Nội thất	3	20	20	10	20	15	45				
44	Thiết kế trên máy tính	2	10	10					20	40		
45	Tổ chức và giám sát thi công công trình gỗ	2	25	25	5	10						
II.2	Kiến thức tự chọn	8/20										
46	Công nghệ chế biến hóa học gỗ	2	20	20	5	10			5	10		
47	Tự động hoá trong chế biến lâm sản	2	17	17			5	15	6	12		
48	Seminar chế biến gỗ	2	20	20	10	20						
49	Nguyên lý thiết kế xí nghiệp chế biến lâm sản	2	15	15			15	45				
50	Công nghệ CNC gia công gỗ	2	10	10					20	40		
51	Lắp đặt và sử dụng máy chế biến	2	15	15					15	30		

TT	Học phần	Số TC	Thời lượng (tiết)								HP tiên quyết
			L.thuyết		BT/TL		BT lớn		TN/TH		
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT	
	gỗ										
52	Công nghệ vật liệu composite gỗ	2	20	20	10	20					
53	Marketing	2	30	30							
54	Quản lý dự án	2	30	30							
55	Công nghệ chế biến và sử dụng tre, mây	2	20	20	10	20					
C	Khoa luận tốt nghiệp	10									

D. Thực tập kỹ thuật

TT	Đợt thực tập	Nội dung thực tập	Số TC	Học kỳ
1	Thực tập nhận thức	Tham quan, kiến tập, tìm hiểu về các hoạt động sản xuất, công nghệ sản xuất liên quan đến lĩnh vực gia công, chế biến gỗ và lâm sản.	1	2
2	Thực tập nghề nghiệp (Học kỳ doanh nghiệp)	Thực tập nghề nghiệp về các lĩnh vực nhận biết gỗ, đánh giá chất lượng gỗ, công nghệ xẻ, công nghệ sấy gỗ, bảo quản gỗ, công nghệ sản xuất vật liệu gỗ, máy và thiết bị chế biến gỗ, công nghệ sản xuất đồ gỗ, công nghệ trang sức vật liệu gỗ, tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm gỗ tại các nhà máy và doanh nghiệp chế biến gỗ, lâm sản.	8	7

Tổng số tín chỉ: 126

8. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIẢNG DẠY DỰ KIẾN THEO KỲ

Học kỳ 1: 17 tín chỉ (Kiến thức GĐDC)

(Học phần bắt buộc)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	Không
2	Vật lý đại cương	3	Không
3	Anh văn 1	3	Không
4	Tin học đại cương	2	Không
5	Pháp luật đại cương	2	Không
6	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	2	Không
	<i>Cộng</i>	<i>17</i>	

Học kỳ 2: 18 tín chỉ (Kiến thức GĐDC và kiến thức cơ sở ngành)

(Học phần bắt buộc)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin
3	Anh văn 2	3	Anh văn 1
4	Hóa cao phân tử	2	Không

5	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ	3	Không
6	Khoa học gỗ	4	Không
7	Thực tập nhận thức	1	Không
	Cộng	18	

Học kỳ 3: 19 tín chỉ (Kiến thức GD&C và kiến thức cơ sở ngành)

(Học phần bắt buộc và tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Kỹ thuật nhiệt	2	Không
2	Nguyên lý cắt vật liệu gỗ	2	Khoa học gỗ
3	An toàn và vệ sinh lao động	2	Không
4	Kỹ thuật điện và điện tử	3	Không
5	Thống kê toán học	2	Không
6	Kiến thức tự chọn (<i>Chọn trong các môn từ 6.1 đến 6.6</i>)	8/14	
6.1	Cơ học kỹ thuật	4	Không
6.2	Nguyên lý máy	2	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ
6.3	Dẫn động và điều khiển bằng thủy khí trong chế biến gỗ	2	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ
6.4	Tiếng Anh chuyên ngành chế biến gỗ	2	Anh văn 1 và 2
6.5	Biến tính gỗ	2	Khoa học gỗ
6.6	Hoá học gỗ	2	Khoa học gỗ
	Cộng	19	

Học kỳ 4: 18 tín chỉ (Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành)

(Học phần bắt buộc)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	Không
2	Máy và thiết bị chế biến lâm sản	4	Khoa học gỗ, Nguyên lý cắt vật liệu gỗ
3	Keo dán gỗ	2	Khoa học gỗ
4	Bảo quản gỗ	2	Khoa học gỗ
5	Công nghệ sấy gỗ	3	Khoa học gỗ, Kỹ thuật nhiệt
6	Công nghệ xẻ	2	Khoa học gỗ, nguyên lý cắt vật liệu gỗ
7	Thiết kế Nội thất	3	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ
	Cộng	18	

Học kỳ 5: 19 tín chỉ (Kiến thức GD&C và kiến thức ngành)

(Học phần bắt buộc)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Toán cao cấp B	3	Không

2	Công nghệ Vật liệu gỗ	4	Khoa học gỗ, Keo dán gỗ, Máy và TBCBLS
3	Công nghệ mộc	3	Khoa học gỗ, Máy và TBCBLS
4	Công nghệ trang sức vật liệu gỗ	2	Công nghệ mộc, CNVLG, CN sấy gỗ
5	Đồ án công nghệ vật liệu gỗ	1	Công nghệ Vật liệu gỗ
6	Đồ án công nghệ sản xuất đồ mộc	1	Công nghệ mộc
7	Quản trị kinh doanh 1	3	Không
8	Thiết kế trên máy tính	2	Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ
	Cộng	19	

Học kỳ 6: 17 tín chỉ (Kiến thức ngành)

(Học phần bắt buộc và tự chọn)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Thiết kế đồ gỗ	3	CN Mộc, Vẽ kỹ thuật trong chế biến gỗ
2	Quản lý chất lượng gỗ và sản phẩm gỗ	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
3	Tổ chức sản xuất chế biến gỗ	2	CN Mộc, CNVLG, CN Trang sức VLG, Máy và TBCBLS
4	Tổ chức và giám sát thi công công trình gỗ	2	CN Mộc, CNVLG, CN Trang sức VLG, Máy và TBCBLS
5	Kiến thức tự chọn (<i>chọn trong các môn từ 5.1 đến 5.10</i>)	8/20	
5.1	CN chế biến hóa học gỗ	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.2	Tự động hóa trong chế biến lâm sản	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.3	Seminar chế biến gỗ	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.4	Nguyên lý thiết kế xí nghiệp chế biến lâm sản	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.5	Công nghệ CNC gia công gỗ	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.6	Lắp đặt và sử dụng máy chế biến gỗ	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
5.7	Công nghệ vật liệu composite gỗ	2	Công nghệ Vật liệu gỗ
5.8	Marketing	2	Không
5.9	Quản lý dự án	2	Không
5.10	Công nghệ chế biến và sử dụng tre, mây	2	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
	Cộng	17	

Học kỳ 7: 8 tín chỉ (Học kỳ doanh nghiệp)
(Thực tập kỹ thuật 1 và 2 kết hợp với làm việc tại doanh nghiệp)

C1	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Thực tập nghề nghiệp	8	Các học phần thuộc kiến thức ngành bắt buộc
2	Làm việc tại doanh nghiệp		
	Cộng	8	

Ghi chú: Sinh viên thực hiện Học kỳ doanh nghiệp trong tổng thời gian tối thiểu 5 tháng đến tối đa 6 tháng. Trong đó bắt buộc phải thực hiện nội dung Thực tập nghề nghiệp trong 2 tháng. Sau đó sinh viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và thái độ theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Học kỳ 8: Làm khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ chế biến lâm sản bao gồm 126 tín chỉ, để được xét tốt nghiệp sinh viên phải tích luỹ đủ khối lượng tín chỉ của ngành học;
- Sau khi học xong các học phần cốt lõi của ngành học, sinh viên có thể chọn các học phần chuyên sâu của ngành để học và thực hiện khóa luận tốt nghiệp;
 - Quá trình thực tập sẽ bao gồm 2 đợt:
 - + Thực tập nhận thức được thực hiện vào cuối học kỳ 2;
 - + Thực tập nghề nghiệp được thực hiện liên tục trong 8 tuần liên tục vào đầu học kỳ 7 sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần theo yêu cầu khái kiến thức của ngành. Sau đó, sinh viên thực hiện làm việc tại nhà máy tối thiểu là 3 tháng liên tục tiếp theo, trước khi làm khóa luận tốt nghiệp.
 - Toàn bộ khóa học là 04 năm được chia làm 08 học kỳ. Mỗi học kỳ bố trí 15 - 17 tuần học lý thuyết, 2- 3 tuần ôn thi kết thúc học phần;
 - Học phần Giáo dục thể chất và học phần Giáo dục quốc phòng thực hiện theo Qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.